

Số: 715 /BC-UBND

Tân Uyên, ngày 29 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh tháng 4; nhiệm vụ trọng tâm tháng 5 năm 2020

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH THÁNG 4 NĂM 2020

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp

- **Trồng trọt:** UBND huyện chỉ đạo các cơ quan khối nông nghiệp, UBND các xã, thị trấn tăng cường hướng dẫn, đôn đốc Nhân dân thực hiện gieo cấy Lúa vụ Đông Xuân theo kế hoạch, đã gieo cấy được 1.795 ha/1.793 ha, đạt 100,1% KH¹. Hiện nay, cây Lúa trà sớm đang giai đoạn trổ bông, trà chính vụ và trà muộn đang giai đoạn đứng cái và làm đòng. Thực hiện làm đất và trồng được 983 ha/980 ha Ngô vụ Xuân Hè, đạt 100,3% KH². Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các xã, thị trấn theo dõi phun thuốc phòng trừ sâu bệnh hại khi đến ngưỡng như: bệnh Đạo ôn lá trên cây Lúa, sâu Keo trên cây Ngô và một số loài gây hại trên cây Chè, rau màu (Rầy xanh, Bọ trĩ, bệnh chám xám, chám nâu, bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh và bệnh đốm lá, thối nhũn,...).

Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với UBND các xã, thị trấn đôn đốc Nhân dân chăm sóc Chè đợt 1 năm 2020, làm cỏ, bón phân trên diện tích Chè kiến thiết cơ bản. Hiện đã chăm sóc được 600 ha/1.330,8 ha. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với UBND các xã, thị trấn tiến hành đo đạc quy chủ, quy hoạch diện tích trồng Chè năm 2020, hiện đã thực hiện đo đạc quy chủ được 104,3 ha³, triển khai làm đất được 15,06 ha/104,3 ha⁴. Do ảnh hưởng của Dịch bệnh COVID-19 nên tiến độ làm đất trồng Chè thấp hơn so với cùng kỳ năm 2019.

Đôn đốc, hướng dẫn Nhân dân tiếp tục chăm sóc bảo vệ sau trồng đối với dự án trồng Mắc ca tập trung trên địa bàn huyện từ năm 2017-2019. Hiện nay, đã thực hiện chăm sóc đợt 1 năm 2020 được 500,8 ha/609,8 ha. Diện tích chưa chăm sóc chủ yếu là diện tích trồng thuần tại xã Nậm Sỏ. Triển khai thực hiện trồng 30,1 ha Chanh leo⁵, hiện cây sinh trưởng, phát triển tốt. Hướng dẫn UBND xã Pắc Ta phối hợp với Công ty TNHH Thương mại tỉnh Lai Châu phát triển diện tích trồng Chuối tại xã Pắc Ta, hiện đã làm đất và triển khai trồng 17 ha. UBND xã Nậm Sỏ phối hợp với Công ty TNHH MTV Giống vật tư Tây Bắc thực hiện trồng Nghệ đen tại xã Nậm Sỏ, diện tích Nhân dân đăng ký là 126 ha/12 bản/350 hộ, hiện nay đã thực

¹ Xã Nậm Cắn thực hiện 107 ha/105 ha.

² Trong đó: Đất ruộng 1 vụ và bán ngập 518,2 ha, đất bãi 464,8 ha.

³ Trong đó: Thân Thuộc 06 ha, Pắc Ta 86,34 ha, Mường Khoa 10,9 ha, thị trấn Tân Uyên 1,06 ha.

⁴ Trong đó: Mường Khoa 02/10,9 ha, Thân Thuộc 02/6 ha, Thị trấn Tân Uyên 1,06 ha, Pắc Ta 10/86,3ha.

⁵ Trong đó: Mường Khoa 16,72 ha, Trung Đồng 7,61 ha, thị trấn Tân Uyên 4,23 ha, Hồ Mít 1,55 ha.

hiện trồng 16,3 ha/32,6 tấn giống (*định mức 02 tấn/ha*).

- **Chăn nuôi, thú y, thủy sản:** Công tác kiểm soát giết mổ, kiểm dịch vận chuyển động vật, công tác tiêm phòng, phun tiêu độc khử trùng được thực hiện chặt chẽ⁶. Tổng đàn gia súc, gia cầm đến 13/4/2020 có 220.887/269.460 con⁷. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn theo dõi kiểm soát dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, đặc biệt các dịch bệnh nguy hiểm. Hướng dẫn đôn đốc các xã, thị trấn các biện pháp phòng chống rét cho đàn gia súc, gia cầm trong mùa đông. Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện công tác cải tạo ao nuôi, vệ sinh môi trường nuôi, thực hiện thả cá cho mùa vụ mới⁸.

- **Lâm nghiệp:** Chỉ đạo các cơ quan, các xã thực hiện chăm sóc đợt I năm 2020 đối với rừng trồng từ năm 2016 đến năm 2019 được 943,2/2.298,73⁹. Triển khai khảo sát, xây dựng hồ sơ thiết kế trồng rừng năm 2020. Thực hiện đo quy chủ được 601,2/510 ha¹⁰. Hiện nay, nhân dân đang thực hiện phát dọn thực bì và cuộc hồ. Chủ động thực hiện công tác PCCCR, trong thời gian qua không có vụ cháy rừng nào xảy ra trên địa bàn huyện. Công tác tuần tra rừng, kiểm tra, kiểm soát lâm sản trên địa bàn huyện được thực hiện thường xuyên, chặt chẽ. Trong tháng phát hiện vụ 07 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp về mua bán, vận chuyển, tàng trữ lâm sản trái phép¹¹.

2. Xây dựng nông thôn mới, phòng chống thiên tai

- **Xây dựng nông thôn mới:** Xây dựng kế hoạch tổ chức lễ công bố xã Hồ Mít, Mường Khoa đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019; Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí huyện NTM chưa đạt như: Xây dựng bến xe khách huyện; Xây dựng trung tâm văn hóa; Sân vận động huyện; Tuyến đường thủy nội địa; Thực hiện Quy hoạch vùng huyện (*tham gia ý kiến lần 3 vào Đồ án quy hoạch vùng huyện đến năm 2035, tầm nhìn đến 2050*).

Trong tháng, đã tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện xây dựng nông thôn mới được 76 buổi/1.876 lượt người tham gia; vận động Nhân dân vệ sinh môi trường, chỉnh trang khuôn viên, xây dựng cảnh quan khu dân cư được 170 buổi/2.400 lượt người tham gia; thực hiện hỗ trợ xóa 12 nhà tạm.

Triển khai thực hiện các Dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị từ nguồn vốn sự nghiệp xây dựng nông thôn mới.

- **Phòng chống thiên tai:** Thực hiện nghiêm túc chế độ trực ban, đặc biệt trong những ngày thời tiết diễn phức tạp, ứng cứu kịp thời khi có tình huống thiên tai xảy ra: Trong tháng, đã xảy ra 03 đợt gió lốc và mưa đá vào ngày 25/3/2020

⁶ kiểm soát giết mổ 302 con gia súc (*Trong đó: Lợn 254 con, Trâu, bò 48 con*). Tổ chức phun tiêu độc khử trùng đợt I đạt 500 lít/550 lít; tiêm phòng dại Chó, Mèo đạt 1.750 liều/6.623 con tại các xã: Phúc Khoa, Nậm Cần, Nậm Sò và thị trấn Tân Uyên.

⁷ Trong đó: Đàn gia súc có 37.594/49.460 con, đạt 76% KH, giảm 13.492 con so với cùng kỳ năm 2019. Tổng đàn gia cầm có 183.293/220.000 con, đạt 83,3% KH.

⁸ Tổng diện tích nuôi trồng đạt 132 ha, sản lượng cá đến nay đạt 170 tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng 150 tấn, đánh bắt 20 tấn.

⁹ Trong đó: Cây Quế thực hiện chăm sóc được 779/1.973,25 ha; Cây Sơn tra: Thực hiện chăm sóc được 164,2/325,48 ha.

¹⁰ Trong đó Pắc Ta 190 ha, Nậm Cần 145 ha, Tà Mít 236 ha, Mường Khoa 26,5 ha, xã Thân Thuộc 3,7 ha.

¹¹ Thu giữ 1,572 m³ gỗ các loại và 06 xe máy, thu nộp ngân sách 10.000.000 đồng.

thiệt hại khoảng 8.600 triệu đồng¹², 22/4/2020 thiệt hại khoảng 4.160 triệu đồng¹³ và ngày 23/4/2020 thiệt hại khoảng 2.180 triệu đồng¹⁴. Ban Chỉ huy PCTT & TKCN huyện kịp thời chỉ đạo các xã, thị trấn khẩn trương hỗ trợ, tổ chức lực lượng hướng dẫn, giúp đỡ Nhân dân khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra.

3. Sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông, quản lý đô thị

- **Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:** Tình hình sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ổn định, giá trị sản xuất (*giá cố định 2010*) trong tháng 4 đạt 18.481 triệu đồng, lũy kế từ đầu năm đạt 39.968 triệu đồng, đạt 17,7% KH¹⁵.

- **Xây dựng cơ bản:** Tổng kế hoạch vốn giao năm 2020 là 240.151,4 triệu đồng, đã giải ngân 107.937,2 triệu đồng, đạt 44,9% KH. Trong đó: Các nguồn vốn đầu tư công đã giải ngân 79.125,2/169.904,4 triệu đồng, đạt 46,6% KH; Các nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư đã giải ngân 28.812/70.247 triệu đồng, đạt 41,0% KH. Tăng cường kiểm tra, giám sát tiến độ, chất lượng các công trình đang thi công, đã kiểm tra 04 cuộc/04 công trình.

- **Quản lý đô thị:** Tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, quản lý trật tự xây dựng đô thị; trong tháng đã thực hiện cấp 05 giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ, lũy kế thực hiện 24 giấy phép. Công tác vệ sinh môi trường đô thị được duy trì tốt, đảm bảo vệ sinh, cảnh quan môi trường đô thị.

4. Tài chính, thương mại, dịch vụ

- **Tài chính, ngân sách:** Tổng thu ngân sách địa phương đạt 213.836 triệu đồng, bằng 33,8% KH, trong đó: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 16.777 triệu đồng, bằng 32,3% KH. Tổng chi ngân sách địa phương đạt 177.208 triệu đồng, bằng 28,1% KH.

- **Hoạt động thương mại, dịch vụ:** Thị trường hàng hóa, dịch vụ diễn biến ổn định (*trừ mặt hàng xăng dầu giảm mạnh xuống còn 12.030 đồng/lít*), các mặt hàng đa dạng, phong phú về chủng loại cơ bản đáp ứng với nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, không có hiện tượng găm hàng, tăng giá đột biến. Tổng Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ giá hiện hành trong tháng đạt 22.762 triệu đồng, lũy kế đạt 97.750/341.008 triệu đồng, đạt 28,7% KH.

¹² Về nhà ở: 1.032 hộ bị mưa đá là vỡ ngói và các tài sản khác (*Phúc Khoa 50 hộ, Thân Thuộc 10 hộ, Tà Mít 02 hộ, Mường Khoa 500 hộ, Trung Đồng 470 hộ*), trong đó có 600 hộ bị hỏng nặng (*Mường Khoa 200 hộ, Trung Đồng 350 hộ, Phúc Khoa 50 hộ*) với thiệt hại khoảng 8,3 tỷ đồng; về cây cối, hoa màu bị dập nát 46,7 ha mức độ 20-50%, trong đó có 03 ha lúa, 27 ha ngô và 16,7 ha Chanh leo với thiệt hại khoảng 300 triệu đồng.

¹³ Về nhà ở: 163 hộ bị gió lốc làm tốc mái (*Trung Đồng 14 hộ, Thân thuộc 01 hộ, Tà Mít 10 hộ, Pắc Ta 03, Nậm Cắn 17 hộ, Phúc Khoa 06 hộ, xã Nậm Sò 96 và thị trấn Tân Uyên 16 hộ*) với tổng thiệt hại khoảng 3.800 triệu đồng; Về cây cối, hoa màu thiệt hại khoảng 4,26 ha tại thị trấn Tân Uyên, Trung Đồng, Nậm Cắn (cây Ngô, Chanh Leo, Lúa và cây ăn quả bị gãy, đổ ảnh hưởng từ 10-30%) kinh phí thiệt hại 60 triệu đồng; các tài sản bị thiệt hại khác: 01 hộ bị đổ tường rào; đổ, rách biển quảng cáo tại thị trấn Tân Uyên; 06 lồng cá tại xã Tà Mít; công trình điện chiếu sáng tại xã Phúc Khoa.

¹⁴ Về nhà ở: 89 hộ bị mưa đá làm vỡ ngói proximal và các tài sản khác (*Nậm Sò 49 hộ; Nậm Cắn 40 hộ*) với tổng thiệt hại khoảng 1.780 triệu đồng; về cây cối, hoa màu 72 ha cây cối, hoa màu kinh phí thiệt hại 400 triệu đồng, trong đó Nậm Sò 50 ha lúa, ngô bị dập nát khoảng 30-50%, Pắc Ta 10 ha chè bị dập búp khoảng 20-30%; 7 ha lúa bị dập nát khoảng 10-20%, Nậm Cắn: 5 ha lúa, ngô bị dập nát khoảng 20-40%.

¹⁵ Tổng giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo giá hiện hành thực hiện trong tháng đạt 27.617 triệu đồng, lũy kế thực hiện từ đầu năm đạt 61.471 triệu đồng.

5. Công tác quản lý tài nguyên, môi trường

- **Về quản lý đất đai:** Cấp mới, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 41 hộ gia đình/5,22 ha¹⁶. Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Trung Đông quản lý với diện tích 37.340,0 m²/49 thửa. Giao cơ quan chuyên môn thực hiện rà soát, tổng hợp đất cơ sở tôn giáo đang sử dụng đất trên địa bàn huyện và thực hiện rà soát, đánh giá nhu cầu sử dụng đất các dự án du lịch có yếu tố tín ngưỡng, tâm linh trên địa bàn huyện.

- **Về quản lý khoáng sản, môi trường:** Quản lý chặt chẽ các điểm mỏ và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn; thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước về khoáng sản trên địa bàn theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Thực hiện kiểm tra, giải tỏa và xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với các tổ chức, cá nhân khai thác, thu mua, tàng trữ, vận chuyển khoáng sản trái phép trên địa bàn; Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hưởng ứng Ngày Nước thế giới, Ngày Môi trường thế giới năm 2020 và phong trào “Chống rác thải nhựa”¹⁷.

6. Công tác giáo dục và đào tạo

Chỉ đạo cơ quan chuyên môn và các đơn vị nhà trường hướng dẫn học sinh tự học trong thời gian nghỉ học phòng, chống dịch bệnh Covid-19; điều chỉnh nội dung dạy học học kỳ II năm học 2019-2020 đảm bảo nội dung và thời gian thực hiện, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tổ chức tập huấn cho 100% cán bộ quản lý, nhân viên y tế, đội ngũ giáo viên các đơn vị trường học xử lý các trường hợp sốt, ho, khó thở tại trường học. Kiểm tra việc thực hiện các thông báo kết luận sau kiểm tra các trường MN, TH, THCS xã Nậm Sỏ, Hồ Mít; kiểm tra công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Tiếp tục tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh các đơn vị trường học về chấp hành các quy định của pháp luật. Chỉ đạo các đơn vị trường thường xuyên theo dõi, cập nhật, báo cáo tình hình sức khỏe của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19; tổ chức khử khuẩn, vệ sinh trường lớp xanh - sạch - đẹp - an toàn.

7. Công tác y tế

* Công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19

- Qua giám sát, đến ngày 23/4/2020 trên địa bàn huyện chưa ghi nhận ca

¹⁶ Trong đó: Cấp mới giấy chứng nhận QSDĐ cho 14 hộ/3,06 ha; cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ cho 05 hộ/0,34 ha; chuyển nhượng QSDĐ 20 hộ/1,56 ha; tặng cho QSDĐ 02 hộ/0,26 ha.

Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (đất ở) cho 08 hộ gia đình với diện tích 1.134,7 m².

Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất cho 40 hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện; xóa đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất cho 47 trường hợp.

¹⁷ 36 cơ quan, đơn vị, đoàn thể và 10 xã, thị trấn, thu gom, xử lý được trên 42 tấn rác thải các loại, thực hiện khơi thông cống rãnh 2000 m và phát quang bụi rậm, đường giao thông 10 km; thực hiện treo 15 băng rôn.

bệnh xác định nhiễm Covid-19.

- Tổng số ca nghi ngờ được lấy mẫu xét nghiệm (*tính đến ngày 24/4/2020*): 32 ca. Trong đó: 32/32 ca đã có kết quả âm tính.

- Số trường hợp đang cách ly tại cơ sở y tế 01 trường hợp, sức khỏe hiện tại bình thường.

- Đến ngày 24/4/2020, đã có 38 trường hợp cách ly tại cơ sở cách ly tập trung của huyện (*trong đó có 10 trường hợp đã kết thúc cách ly ngày 06/4/2020; 02 trường hợp kết thúc cách ly ngày 24/4/2020; hiện còn cách ly 26 trường hợp*). Đã thành lập Cơ sở cách ly tập trung số 2 của huyện tại Trường PTDT Nội trú, với quy mô cách ly 400 người.

- Thành lập Đội điều tra, xác minh các trường hợp tiếp xúc với người nghi nhiễm, người xác định nhiễm COVID-19 (*Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 31/3/2020*). Đội đã phân công thành 05 tổ, mỗi tổ phụ trách 02 xã, thị trấn.

- Tổng số người đi từ vùng dịch về Tân Uyên sau tết: 846 người. Đến ngày 24/4/2020, có 761 người đã qua 14 ngày, còn 85 trường hợp đang được cách ly theo dõi (*trong đó: 58 người theo dõi, cách ly tại gia đình; 01 người cách ly tại Trung tâm y tế; 26 người cách ly tại cơ sở cách ly tập trung huyện*).

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, khuyến cáo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, nhằm nâng cao nhận thức cho người dân về sự nguy hiểm của dịch bệnh, cách phát hiện bệnh và các biện pháp phòng ngừa bệnh để nhân dân chủ động tham gia phòng chống.

*** Công tác chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân**

Trong tháng, trên địa bàn huyện không có dịch bệnh lớn xảy ra, không có ca tử vong do dịch bệnh, chỉ xảy ra một số dịch nhỏ lẻ như: Cúm 236 trường hợp, đau mắt đỏ 77 trường hợp, tiêu chảy 22 trường hợp, thủy đậu 03 trường hợp, chó cắn 27 trường hợp (*đã tiêm phòng đại 27 trường hợp*).

Tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin cho 110 trẻ dưới 1 tuổi, lũy kế 390 trẻ, đạt 38% KH. Thực hiện tốt các biện pháp an toàn trong tiêm chủng, trong tháng không xảy ra trường hợp tai biến do tiêm chủng. Thực hiện tốt các biện pháp an toàn trong tiêm chủng, trong tháng không xảy ra trường hợp tai biến do tiêm chủng. Đã thực hiện kiểm tra, giám sát thường kỳ 36 lượt cơ sở, trong đó đạt tiêu chuẩn VSATTP 28 lượt cơ sở, không đạt tiêu chuẩn VSATTP 8 lượt cơ sở.

8. Công tác văn hóa, thông tin

Tiếp tục đôn đốc các xã, thị trấn triển khai thực hiện các chỉ tiêu văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới, văn minh đô thị. Xây dựng báo cáo tổng kết 20 năm triển khai thực hiện phong trào “TD ĐKXD ĐSVH” trên địa bàn huyện.

Tiếp tục tuyên truyền thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị;

tuyên truyền đại hội đảng bộ các cấp, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII; phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; tuyên truyền phòng, chống lây nhiễm dịch bệnh COVID-19; tuyên truyền ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3, ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/3; tuyên truyền Ngày nước thế giới, ngày khí tượng thế giới năm 2020; thi đua thực hiện văn hóa công sở. Hoàn thành xây dựng hệ thống cột treo cờ hai bên Trung tâm Hội nghị - Văn hóa huyện; làm mới 04 bụi cấm cờ chuỗi phục vụ công tác tuyên truyền trực quan theo kế hoạch của Tiểu ban tuyên truyền, phục vụ Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Tân Uyên lần thứ XVIII.

Tiếp tục dự thảo nội dung lời bình chương trình nghệ thuật chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII. Tiếp tục duy trì tốt việc truyền dẫn phát sóng, phản ánh kịp thời các hoạt động văn hóa - xã hội của huyện, trong tháng đã thực hiện 2.520 giờ phát sóng truyền hình, 1.140 giờ phát sóng phát thanh FM, viết đưa 43 tin bài, trong đó có 13 tin bài viết tuyên truyền về COVID-19¹⁸.

9. Công tác xã hội, giảm nghèo

Tiếp nhận hồ sơ và giải quyết chế độ cho các đối tượng người có công và thân nhân; công tác bảo trợ xã hội thường xuyên đảm bảo chính xác, kịp thời đối với 176 đối tượng (*chi trả góp tháng 4 và tháng 5 năm 2020*)¹⁹. Hỗ trợ sửa chữa 07 nhà đối tượng người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, số tiền 140 triệu đồng từ quỹ Đền ơn đáp nghĩa. Tổng hợp số liệu người bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 đề nghị hỗ trợ, tổng số 76 hộ/89 người có công với cách mạng, thân nhân đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng và 922 đối tượng bảo trợ xã hội. Tiếp nhận và tổ chức cấp, phát gạo cứu đói giáp hạt cho các hộ không đủ gạo ăn trong dịp giáp hạt năm 2020 tại các xã, thị trấn, tổng số 628 hộ/2.900 khẩu, số gạo 43.500kg.

Tiếp tục triển khai, đôn đốc các xã, thị trấn rà soát, lập danh sách lao động từ các quốc gia, vùng lãnh thổ, vùng có dịch về địa bàn phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm rà soát, quản lý các lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đã xuất cảnh 06 lao động, đạt 33,3% KH, phối hợp với Công an huyện giao 03 đối tượng nghiện ma túy có quyết định của Tòa án vào Trung tâm cai nghiện bắt buộc tỉnh; đạt 37,5% KH.

10. Công tác tôn giáo, dân tộc

Tăng cường theo dõi, nắm bắt tình hình tôn giáo; phúc đáp các tổ chức tôn giáo đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo trên địa bàn.

Tổ chức giao cơ quan chuyên môn phối hợp với UBND các xã, thị trấn rà

¹⁸ Sản xuất, phát sóng bản tin truyền thanh, truyền hình: 26 chương trình; Sản xuất chương trình truyền thanh tiếng Thái: 10 chương trình; Sản xuất chương trình phổ biến giáo dục pháp luật: 10 chương trình.

¹⁹ Số tiền là 325,654 triệu đồng; Chi trả trợ cấp xã hội thường xuyên đảm bảo chính xác, kịp thời, tổng số 1.844 đối tượng, số tiền 657,18 triệu đồng; chi tiền mai táng phí cho 02 đối tượng, số tiền 10,8 triệu đồng.

soát, phân định xã, bản vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, kết quả có 01 xã khu vực III, 08 xã và 01 thị trấn khu vực I; 14 bản, tổ dân phố đặc biệt khó khăn.

11. Công tác quốc phòng, an ninh

- Duy trì nghiêm các chế độ trực SSCĐ; phối hợp chặt chẽ với các lực lượng, cấp ủy, chính quyền địa phương nắm chắc tình hình ANCT-TTQTXH trên địa bàn huyện. Thực hiện nghiêm Chỉ thị của các cấp, xây dựng kế hoạch và triển khai lực lượng trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ an toàn các ngày Lễ. Quyết định thành lập Ban chỉ đạo, Ban tổ chức diễn tập Ứng phó bão lụt - TKCN; diễn tập ứng phó cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn tại các xã, thị trấn năm 2020. Tổ chức huấn luyện lực lượng thường trực theo kế hoạch; chỉ đạo các xã, thị trấn làm tốt công tác chuẩn bị sẵn sàng huấn luyện lực lượng DQTV khi có hướng dẫn của cấp trên.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an ninh nông thôn trên địa bàn cơ bản ổn định. Trong tháng đã điều tra, xử lý 06 vụ về trật tự xã hội; khởi tố 5 vụ/06 đối tượng về hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy²⁰; lập biên bản 24 trường hợp vi phạm, xử lý hành chính 22 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, thu nộp ngân sách Nhà nước 6,05 triệu đồng²¹; thực hiện tốt công tác quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng, quản lý chặt chẽ các di biến động của các loại đối tượng²². Tổ chức tuyên truyền được 24 buổi, với tổng số 1.470 lượt người tham gia học tập về chính sách pháp luật của Nhà nước, xây dựng cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, công tác phòng ngừa, đấu tranh tố giác tội phạm, tự giác giao nộp vũ khí, vật liệu nổ.

12. Công tác nội vụ

Công tác tổ chức cán bộ, xây dựng chính quyền địa phương được thực hiện đảm bảo quy trình, tiêu chuẩn theo quy định; kịp thời giải quyết chế độ chính sách đối với CBCCVC²³. Công tác thi đua - khen thưởng tiếp tục được quan tâm: Khen thưởng 13 tập thể, 30 cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng nông thôn mới tại xã Mường Khoa, Hồ Mít; công nhận 29 mô hình điển hình Dân vận khéo của 23 cá nhân, 06 tập thể. Phát động thi đua phòng, chống dịch COVID-19. Xây dựng các kế hoạch: Tuyên truyền công tác Cải cách hành chính Nhà nước; Công tác quản lý Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; Tuyên truyền phổ biến pháp luật về tôn giáo, nắm bắt tình hình tôn giáo năm 2020 trên địa bàn huyện Tân Uyên.

13. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

- **Công tác thanh tra:** Đang triển khai 01 cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng đối với

²⁰ Xử lý hành chính về tội phạm ma túy: 01 vụ, 01 bị can về hành vi trồng trái phép cây thuốc phiện.

²¹ Trong tháng xảy ra 01 vụ tai nạn giao thông. Hậu quả 01 người chết, 01 xe mô tô hư hỏng.

²² Tiếp nhận 79 trường hợp làm Giấy chứng minh nhân dân, trong đó cấp mới 38 trường hợp, cấp lại 25 trường hợp, cấp lại 16 trường hợp.

²³ Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng ban tiếp công dân huyện, Quyết định giao nhiệm vụ phụ trách các đơn vị trường học trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo: Trường PTDTBT THCS xã Nậm Sỏ, Trường THCS xã Phúc Khoa, Trường Mầm non xã Hồ Mít. Nhất trí về việc bố trí Công an chính quy đảm nhiệm chức danh Trưởng Công an các xã: Thân Thuộc, Tà Mít.

Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Hồ Mít.

- Công tác tiếp công dân và xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

+ Đã tổ chức tiếp: 07 lượt công dân/28 người/07 vụ việc. Trong đó: Cấp huyện tiếp 04 lượt/25 người/04 vụ việc, cấp xã tiếp 03 lượt/03 người/03 vụ việc. Nội dung: Đất đai, giải phóng mặt bằng, chính sách và một số nội dung khác.

+ Tổng số đơn kiến nghị, đề nghị thuộc thẩm quyền giải quyết tiếp nhận trong tháng 10 đơn (*kỳ trước chuyển sang 01 đơn, mới tiếp nhận 09 đơn*). Đã giải quyết xong 05 đơn, còn lại 05 đơn chuyển sang kỳ sau giải quyết.

14. Công tác tư pháp

Thường xuyên tổ chức các tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tại các xã, thị trấn theo kế hoạch, kết quả: đã tổ chức được 29 buổi/1.650 lượt người tham gia. Nội dung tuyên truyền: Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Giáo dục, Luật Hộ tịch, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia, Luật Công chứng, chứng thực, Luật Đất đai, Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm,... Thực hiện tốt công tác quản lý hộ tịch, trợ giúp pháp lý, chứng thực trên địa bàn các xã, thị trấn²⁴.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Trong tháng, UBND huyện đã tập chung chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tập chung phòng, chống dịch bệnh Covid-19, đồng thời triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh cơ bản đảm bảo theo kế hoạch. Công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo đúng quy trình; triển khai sản xuất Lúa vụ Đông Xuân, Ngô vụ Xuân Hè đảm bảo lịch thời vụ; tiến độ quy chủ, lập hồ sơ trồng Chè, trồng rừng cơ bản đảm bảo theo tiến độ, kế hoạch; công tác kiểm soát giết mổ, vận chuyển gia súc, gia cầm và các sản phẩm từ động vật ra, vào địa bàn huyện được tăng cường; thu ngân sách trên địa bàn và tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2020 tăng so với cùng kỳ năm 2019; quản lý sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo chặt chẽ đúng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kiểm soát tốt thị trường hàng hóa, không có hiện tượng găm hàng, nâng giá, nhất là trong thời gian dẫn cách xã hội để phòng, chống dịch bệnh Covid-19; lĩnh vực giáo dục, an sinh xã hội được thực hiện tốt; các hoạt động tuyên truyền, đặc biệt là tuyên truyền Đại hội Đảng các cấp, tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh Covid-19 được tăng cường; công tác chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân được đẩy mạnh, kiểm soát tốt dịch bệnh trên người, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm; công tác cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh, các thủ tục hành chính được giải quyết kịp thời, tỷ lệ thủ tục giải quyết chậm muộn

²⁴ Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc 03 trường hợp; Đăng ký khai sinh 65 trường hợp. Chứng thực 787 trường hợp, thu nộp NSNN 15,421 triệu đồng.

giảm so với cùng kỳ năm trước; công tác tổ chức cán bộ, xây dựng chính quyền địa phương được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo quy trình, tiêu chuẩn theo quy định; quốc phòng an ninh được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

2. Hạn chế

Trong tháng 4/2020, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường phải thực hiện việc giãn cách xã hội để phòng, chống dịch bệnh, cùng với đó diễn biến thời tiết bất thuận, gió lốc, mưa đá xảy ra đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất, sinh hoạt của Nhân dân; diện tích Ngô Xuân hè giảm so với cùng kỳ năm 2019, tiến độ làm đất trồng Chè, trồng rừng còn chậm so với kế hoạch; chuyển biến về phương thức chăn nuôi chưa rõ nét, tình trạng thả rông gia súc còn khá phổ biến tại một số xã; tiến độ giải phóng mặt bằng một số công trình còn chậm; tình hình an ninh, trật tự được đảm bảo song tình hình các loại tội phạm vẫn diễn biến phức tạp, đặc biệt là tội phạm về ma túy.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 5 NĂM 2020

1. Tiếp tục chỉ đạo kịp thời, toàn diện thực hiện các phương án, biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19; Ban Chỉ đạo huyện, xã tăng cường kiểm tra, nắm bắt tình hình, cáo cáo kịp thời và giám sát chặt chẽ các đối tượng ra, vào huyện, nhất là những đối tượng từ vùng dịch vào huyện theo hướng dẫn của Trung ương, tỉnh về phòng, chống dịch; tuyệt đối không lơ là, chủ quan trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

2. Tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc Nhân dân tập trung chăm sóc Lúa, phòng trừ sâu bệnh hại Lúa, ngô và các cây màu khác. Đôn đốc, hướng dẫn Nhân dân chăm sóc Chè trong giai đoạn kiến thiết cơ bản và Chè kinh doanh; đẩy nhanh tiến độ làm đất, tổ chức nghiệm thu đất trồng Chè năm 2020. Thực hiện cung ứng giống, vật tư phục vụ sản xuất vụ Mùa cho Nhân dân đảm bảo chất lượng, số lượng. Tổ chức Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020.

Tăng cường kiểm tra, chủ động theo dõi tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; xử lý kịp thời không để lây lan ra diện rộng. Tăng cường kiểm soát giết mổ, vận chuyển gia súc, gia cầm và các sản phẩm từ động vật không rõ nguồn gốc, không đảm bảo vệ sinh thú y ra vào địa bàn huyện; kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm. Triển khai kế hoạch tiêm phòng đợt I/2020. Chú trọng đến công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn cá để khuyến cáo người dân phát triển trong giai đoạn tiếp theo, nhất là cá lòng hồ thủy điện.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng trong cộng đồng dân cư. Duy trì nghiêm chế độ trực, tuần tra canh gác của Ban Chỉ đạo huyện, xã và các tổ chức bảo vệ rừng, các chốt gác rừng. Thực hiện tốt phương châm 4 tại chỗ khi xảy ra cháy rừng. Tiếp tục đôn đốc triển khai chăm sóc Quế, Sơn Tra, Mắc Ca đợt I/2020. Triển khai công tác trồng rừng năm 2020 đảm bảo theo kế hoạch. Thực hiện giải ngân tiền chi trả dịch vụ môi trường

rừng đảm bảo theo quy định. Tổ chức hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng hưởng chính sách DVMTR năm 2020. Tiếp tục rà soát hiện trạng, đôn đốc chăm sóc, trồng bổ sung các diện tích chưa đảm bảo mật độ các diện tích Quế thuộc rừng trồng thay thế và rừng trồng theo đề án giai đoạn 2015-2018.

Tập trung triển khai thực hiện các tiêu chí theo Kế hoạch đã giao, giữ vững các tiêu chí đã đạt, nhất là các xã đã đạt chuẩn. Phát huy vai trò thành viên Ban chỉ đạo tập trung giúp xã Nậm Sỏ để thực hiện xã đạt chuẩn NTM, đặc biệt các tiêu chí chưa đạt. Đôn đốc các xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nguồn vốn xây dựng NTM đảm bảo tiến độ xây dựng và chất lượng công trình. Tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí xã, huyện NTM năm 2020, mô hình điểm, bản điểm, xã điểm NTM. Kiểm tra xây dựng NTM tại các xã. Hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định quy hoạch vùng huyện theo quy định.

3. Thường xuyên kiểm tra quy hoạch kiến trúc xây dựng, cấp phép xây dựng các công trình nhà ở hộ cá nhân gia đình trên địa bàn thị trấn Tân Uyên đảm bảo đúng theo quy hoạch. Đảm bảo hành lang an toàn giao thông được thông thoáng, bảo đảm cảnh quan môi trường đô thị. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc các đơn vị thi công thực hiện tốt, đảm bảo chất lượng và tiến độ công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.

4. Tăng cường công tác quản lý thu ngân sách để đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch. Chỉ đạo các chủ đầu tư, đơn vị điều hành dự án triển khai thực hiện và giải ngân các dự án tiếp chi, dự án khởi công mới trong năm 2020 đảm bảo kế hoạch. Tiếp tục kiểm tra, hướng dẫn UBND các xã, thị trấn trong công tác quản lý, điều hành các dự án thuộc chương trình mục tiêu, mục tiêu Quốc gia có áp dụng cơ chế đặc thù theo Nghị định 161/2016/NĐ-CP. Đẩy nhanh tiến độ quyết toán các dự án hoàn thành.

5. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt. Đẩy nhanh tiến độ thu hồi đất, bồi thường, GPMB để xây dựng các công trình trên địa bàn huyện; xây dựng phương án đấu giá đối với trụ sở, đất tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp không còn nhu cầu sử dụng. Tiếp tục hướng dẫn UBND các xã, thị trấn lập phương án đấu giá QSDĐ đất công ích do UBND cấp xã quản lý theo quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh để trình UBND huyện phê duyệt.

Tiếp tục đôn đốc các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn thực hiện nghiêm túc công tác tổng vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện năm 2020 và thực hiện tiêu chí số 17 về “môi trường và an toàn thực phẩm” trong xây dựng nông thôn mới.

Phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường kiểm tra việc khai thác cát, đá, sỏi trên địa bàn huyện, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm. Tiếp tục đôn đốc UBND xã Pắc Ta thường xuyên nắm bắt tình hình khai thác khoáng sản tại khu vực mỏ vàng, quản lý chặt chẽ, không để tình trạng khai thác trái phép xảy ra.

6. Ngành giáo dục thực hiện rà soát, điều chỉnh khung thời gian học kỳ II năm học 2019-2020. Triển khai tập huấn chương trình giáo dục phổ thông mới cho cán bộ quản lý, giáo viên cấp Tiểu học. Xây dựng kế hoạch sắp xếp, tổ chức lại các điểm trường của các đơn vị trường trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo huyện giai đoạn 2020-2025. Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị tốt các điều kiện tổ chức Đại hội Khuyến học huyện khóa 3, nhiệm kỳ 2020-2025. Tiếp tục tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh các đơn vị trường học về chấp hành các quy định của pháp luật.

7. Tập trung tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh Covid-19; tuyên truyền Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Tân Uyên lần thứ XVIII; kỷ niệm 45 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4), ngày Quốc tế lao động 01/5; kỷ niệm 202 năm Ngày sinh C.Mác (05/5); 66 năm ngày chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5); 130 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh; phong trào “TD ĐKXD ĐSVH”; CCHC nhà nước; Tháng hành động VSATTP; Tuần lễ quốc gia an toàn VSLĐ-PCCN; Tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường; Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam";...Chủ động khắc phục những hư hỏng hệ thống tuyên truyền trực quan do mưa bão gây ra (nếu có).

Thành lập đội văn nghệ, chuẩn bị trang thiết bị, cơ sở vật chất, trang phục, đạo cụ, tổ chức tập luyện và biểu diễn chương trình nghệ thuật chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Tân Uyên lần thứ XVIII.

Tiếp tục triển khai kế hoạch năm 2020 thực hiện Đề án “Quy hoạch phát triển một số điểm du lịch sinh thái - văn hóa huyện Tân Uyên giai đoạn 2016-2020”.


8. Duy trì tốt công tác khám chữa bệnh thường kỳ tại các cơ sở y tế. Tiếp tục chỉ đạo thường xuyên, sát sao về công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, công tác khám chữa bệnh trên địa bàn huyện. Tiếp tục theo dõi sát tình hình dịch bệnh, đánh giá nguy cơ và tăng cường triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn. Bám sát các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh để kịp thời có phương án ứng phó đáp ứng hiệu quả với yêu cầu thực tế của dịch bệnh.

9. Công tác nhân sự, ổn định, kiện toàn tổ chức các phòng ban, UBND các xã, thị trấn; thực hiện các chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức. Cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Chuẩn bị tổ chức Hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến huyện Tân Uyên lần thứ III (2020-2025).

10. Đảm bảo quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, Duy trì nghiêm các chế độ trực SSCĐ theo kế hoạch. Phối hợp với các lực lượng nắm tình hình ANTT trên địa bàn, kịp thời xử lý các tình huống đột xuất xảy ra. Tăng cường đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm, đặc biệt tội phạm về ma túy, trộm cắp tài sản. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông. Bảo vệ tuyệt đối an toàn trước, trong, sau Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020-2025.

Trên đây là báo cáo của UBND huyện Tân Uyên về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh tháng 4; nhiệm vụ trọng tâm tháng 5 năm 2020./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; (B/c)
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. Huyện ủy; (B/c)
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử huyện (đăng tải);
- Lưu: VT, VP, TC-KH 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Handwritten signature in blue ink.

Nguyễn Sỹ Cảnh

PHỤ LỤC 01

**CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THỰC HIỆN TRONG BÁO CÁO THÁNG, QUÝ CỦA NĂM 2020
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂN UYÊN**

(Kèm theo Báo cáo số 715/BC-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2020 của UBND huyện Tân Uyên)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2019	KH 2020	Quý I		Tháng 4		So sánh		Ghi chú	
					Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020		TH tháng 4 năm 2020/KH 2020		ƯTH 4 tháng năm 2020/KH 2020
								Trong tháng	Lũy kế 4 tháng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=9/5	12=10/5	13
A	CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU											
I	Các chỉ tiêu về kinh tế											
1	Thu nhập bình quân đầu người/năm	Triệu đồng	33,0	37,0								
2	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	32.240	32.200								
	- Diện tích cây Chè	Ha	3.050,0	3.100,0	2.855,0	3.050,0	2.855,0		3.050,0	0,0%	98,4%	
	Trong đó: Diện tích trồng mới	Ha	195,5	50,0	-	-				0,0%	0,0%	
	- Tỷ lệ che phủ rừng	%	40,77	41,50	38,52	40,77	38,5		40,8	0,0%	98,2%	
	- Diện tích rừng trồng mới (cây Quế)	Ha	502,1	510,0						0,0%	0,0%	
	- Diện tích trồng mới cây Mắc ca	Ha	260,8	500,0						0,0%	0,0%	
3	Thu NSNN trên địa bàn	Triệu đồng	63.885	52.000	6.407	16.143		634	16.777	1,2%	32,3%	
4	Giá trị xuất khẩu hàng địa phương	Triệu USD	2,79	2,84	0,55	0,41		0,15	0,60	5,3%	21,1%	
II	Các chỉ tiêu về xã hội											
5	Hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước											
	- Số xã có đường ô tô đến trung tâm xã, mặt đường được cứng hóa	Xã	9	9	9	9		9	9	100,0%	100,0%	
	- Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã, mặt đường được cứng hóa	%	100,0	100,0	100,0	100,0		100,0	100,0	100,0%	100,0%	
	- Tỷ lệ thôn, bản có đường xe máy, ô tô đi lại thuận lợi	%	98,4	100,0	97,9	98,4		98,4	98,4	98,4%	98,4%	
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	%	98,6	99,7	98,0	98,0		98,0	98,0	98,3%	98,3%	
	- Tỷ lệ dân số đô thị (nội thị) được sử dụng nước sạch	%	96,1	100,0	-	96,1		96,1	96,1	96,1%	96,1%	
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	97,1	100,0					97,1	0,0%	97,1%	
6	Giáo dục											

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tỉnh	KH 2019	KH 2020	Quý I		Tháng 4		So sánh		Ghi chú	
					Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020		TH tháng 4 năm 2020/KH 2020		ƯTH 4 tháng năm 2020/KH 2020
								Trong tháng	Lũy kế 4 tháng			
	- Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 1	Xã, thị trấn	10	10	8	10	8	10	10	100,0%	100,0%	
	- Tỷ lệ trường học đạt Chuẩn quốc gia	%	58,8	76,5	38,2	58,8	38,2	58,8	58,8	76,9%	76,9%	
	<i>Trong đó:</i> + <i>Cấp mầm non</i>	%	54,5	81,8	45,5	54,5	45,5	54,5	54,5	66,7%	66,7%	
	+ <i>Cấp Tiểu học</i>	%	60,0	80,0	30,0	60,0	30,0	60,0	60,0	75,0%	75,0%	
	+ <i>Cấp Trung học cơ sở</i>	%	54,5	63,6	45,5	54,5	45,5	54,5	54,5	85,7%	85,7%	
	+ <i>Cấp Trung học phổ thông</i>	%	100,0	100,0	-	100,0	-	100,0	100,0	100,0%	100,0%	
7	Y tế											
	- Số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Xã, thị trấn	10	10	10	10	10	10	10	100,0%	100,0%	
	- Tỷ lệ xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	100	100	100	100	100	100	100	100,0%	100,0%	
	- Số bác sỹ trên vạn dân	1/10.000	8,1	8,1	7,4	8,1	8,1	8,1	8,1	100,0%	100,0%	
	- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	15,0	14,0	16,5	15,0	15,0	15,0	15,0	107,1%	107,1%	
	- Tỷ lệ giảm sinh	‰	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	100,0%	100,0%	
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (<i>cân nặng theo tuổi</i>)	%	20,4	19,8	22,0	20,4	20,4	20,4	20,4	103,2%	103,2%	
8	Giảm nghèo											
	- Tỷ lệ hộ nghèo	%	9,37	7,72	14,01	9,37	14,01	9,37	9,37	121,3%	121,3%	
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%/năm	4,64	1,65	-	-	-	-	-	0,0%	0,0%	
	- Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Người	1.869	1.500	-	-	-	-	-	0,0%	0,0%	
	- Số lao động được đào tạo trong năm	Người	1.120	900	-	-	-	-	-	0,0%	0,0%	
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	49,2	55,0	44,4	49,2	44,4	49,2	49,2	89,5%	89,5%	
	- Số lao động xuất khẩu trong năm	Người	41	18	3	6	5	-	6	0,0%	33,3%	
9	Văn hóa											
	- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	86,70	87,60	86,70	87,60	86,70	87,60	87,60	0,0%	100,0%	
	- Tỷ lệ thôn, bản, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	75,59	81,70	80,30	81,70	80,30	81,70	81,70	0,0%	100,0%	
	- Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	96,26	96,30	94,39	96,30	94,39	96,30	96,30	0,0%	100,0%	
10	Quốc phòng - An ninh											

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2019	KH 2020	Quý I		Tháng 4		So sánh		Ghi chú	
					Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020		TH tháng 4 năm 2020/KH 2020		ƯTH 4 tháng năm 2020/KH 2020
								Trong tháng	Lũy kế 4 tháng			
	- Tuyển công dân nhập ngũ	%	100	100	100	100			0,0%	0,0%		
	- Số xã, thị trấn không có người nghiện ma túy	Xã, thị trấn	5	6					0,0%	0,0%		
11	Huyện đạt chuẩn nông thôn mới	Tiêu chí	6	9					0,0%	0,0%		
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	8	9	6	8	6	8	0,0%	88,9%		
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	88,9	100,0	66,7	88,9	66,7	88,9	0,0%	88,9%		
	- Thị trấn Tân Uyên đạt chuẩn văn minh đô thị	Tiêu chí	22	24					0,0%	0,0%		

Ghi chú: Các chỉ tiêu được xây dựng dựa trên Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của UBND huyện Tân Uyên

PHỤ LỤC 02
Báo cáo thu, chi ngân sách địa phương tháng 4 năm 2020
 (Kèm theo Báo cáo số 7/15 /BC-UBND ngày 29 / 4 /2020 của UBND huyện Tân Uyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	TỈNH GIAO	HUYỆN GIAO	TH 24/4/2020	So sánh			Ghi chú
					DT huyện/ tỉnh	TH/ DT tỉnh giao	TH/ DT huyện	
A	B	1	2	3	4=2/1	5=3/1	6=3/2	7
	TỔNG THU NSDP	626.412	631.812	213.836	100,9%	34,1%	33,8%	
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	44.800	52.000	16.777	116,1%	37,4%	32,3%	
	<i>Thu huyện được hưởng theo phân cấp</i>	<i>35.900</i>	<i>41.300</i>	<i>11.822</i>	<i>115,0%</i>	<i>32,9%</i>	<i>28,6%</i>	
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	10.000	10.500	2.625	105,0%	26,3%	25,0%	
2	Lệ phí trước bạ	3.600	3.800	973	105,6%	27,0%	25,6%	
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.500	1.500	342	100,0%	22,8%	22,8%	
4	Thu phí, lệ phí	900	900	268	100,0%	29,8%	29,8%	
	- Ngân sách trung ương hưởng	300	300	11	100,0%	3,7%	3,7%	
	- Ngân sách huyện, xã hưởng	600	600	257	100,0%	42,8%	42,8%	
5	Tiền sử dụng đất	25.000	31.000	5.514	124,0%	22,1%	17,8%	
	- Ngân sách tỉnh hưởng	7.500	9.300	4.924	124,0%	65,7%	52,9%	
	- Ngân sách huyện hưởng	17.500	21.700	590	124,0%	3,4%	2,7%	
6	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	1.200	1.200	5.624	100,0%	468,7%	468,7%	
7	Thu khác ngân sách	2.600	3.100	1.377	119,2%	53,0%	44,4%	
	- Ngân sách tỉnh hưởng	1.100	1.100	20	100,0%	1,8%	1,8%	
	- Ngân sách huyện, xã hưởng	1.500	2.000	1.357	133,3%	90,5%	67,9%	
II	THU BỔ SUNG NS CẤP TRÊN	590.512	590.512	180.000	100,0%	30,5%	30,5%	
1	Bổ sung cân đối	366.646	366.646	110.000	100,0%	30,0%	30,0%	
2	Bổ sung có mục tiêu	95.859	95.859	70.000	100,0%	73,0%	73,0%	
3	Bổ sung thực hiện các CTMTQG	128.007	128.007		100,0%	0,0%	0,0%	
III	THU CHUYỂN NGUỒN			17.059				
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	626.412	631.812	177.280	100,9%	28,3%	28,1%	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	491.654	497.054	126.155	101,1%	25,7%	25,4%	
I	Chi Đầu tư phát triển	40.267	43.976	14.043	109,2%	34,9%	31,9%	
1	Chi XDCB tập trung	22.767	22.767	14.043	100,0%	61,7%	61,7%	
1.1	Cân đối ngân sách huyện	12.647	12.647	6.697	100,0%	53,0%	53,0%	Có Quyết định phân bổ vốn đầu tư riêng
1.2	Hỗ trợ đầu tư hệ thống đường nội đồng sản xuất trong vùng lúa	4.590	4.590	1.877	100,0%	40,9%	40,9%	
1.3	Hỗ trợ đầu tư hệ thống đường nội đồng sản xuất trong vùng chè	5.530	5.530	5.469	100,0%	98,9%	98,9%	
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	17.500	21.209		121,2%	0,0%	0,0%	
II	Chi thường xuyên :	446.727	444.869	112.112	99,6%	25,1%	25,2%	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	85.066	84.005	21.349	98,8%	25,1%	25,4%	
	Trong đó:							
	a. Theo định mức 7% chi thường xuyên	16.758	14.399	1.289	85,9%	7,7%	9,0%	
	- Sự nghiệp Nông nghiệp, lâm nghiệp	3.200	500		15,6%	0,0%	0,0%	
	+ Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo QĐ số 29/2010/QĐ-UBND	2.000	-		0,0%	0,0%		
	+ Kinh phí KNKLKC-Mô hình, Lâm nghiệp	500	500		100,0%	0,0%	0,0%	
	- Sự nghiệp Giao thông	2.500	2.500		100,0%	0,0%	0,0%	
	- Sự nghiệp Thủy lợi	2.500	430		17,2%	0,0%	0,0%	
	- Chi sự nghiệp kinh tế khác, trong đó:	8.558	10.969		128,2%	0,0%	0,0%	
	+ Sự nghiệp môi trường	2.700	4.000		148,1%	0,0%	0,0%	
	+ Điện chiếu sáng	400	600		150,0%	0,0%	0,0%	
	b. Hỗ trợ có mục tiêu (1)	52.267	52.267	20.060	100,0%	38,4%	38,4%	
	- Kinh phí thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2020 theo Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND (Bao gồm cả kinh phí lát vỉa hè, chỉnh trang đô thị, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống thoát nước, trồng cây xanh)	5.000	5.000	1.139	100,0%	22,8%	22,8%	Chi tiết theo Phụ lục 4.3
	- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đề bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	3.200	3.200		100,0%	0,0%	0,0%	Chi tiết theo Phụ lục 4.3
	- Kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	4.067	4.067		100,0%	0,0%	0,0%	Chi tiết theo Phụ lục 4.1
	- Hỗ trợ kinh phí cho huyện Tân Uyên thực hiện nhiệm vụ xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thị trấn Tân Uyên đạt chuẩn văn minh đô thị theo Thông báo kết luận số 472-TB/TU ngày 02/6/2017 và Thông báo số 1053-TB/TU ngày 18/10/2019	40.000	40.000	18.922	100,0%	47,3%	47,3%	Chi tiết theo Phụ lục 4.3
	c. Kinh phí thực hiện các Đề án, Nghị quyết (2)	16.041	16.041		100,0%	0,0%	0,0%	

ST T	NỘI DUNG	TỈNH GIAO	HUYỆN GIAO	TH 24/4/2020	So sánh			Ghi chú
					DT huyện/ tỉnh	TH/DT tỉnh giao	TH/DT huyện	
	- Hỗ trợ thực hiện Đề án phát triển vùng chè tập trung chất lượng cao giai đoạn 2015-2020	3.601	3.601		100,0%	0,0%	0,0%	
	- Hỗ trợ thực hiện Đề án phát triển cây Quế trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2020	8.160	8.160		100,0%	0,0%	0,0%	
	- Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nông nghiệp theo Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND	4.280	4.280		100,0%	0,0%	0,0%	
2	Chi sự nghiệp GD - ĐT và dạy nghề	245.390	245.021	51.488	99,8%	21,0%	21,0%	
2.1	Sự nghiệp giáo dục:	239.805	239.215		99,8%	0,0%	0,0%	Chi tiết theo Phụ lục 4.2
	<i>Trong đó:</i>							
	- KP thực hiện NĐ 116/2016/NĐ-CP	13.120	13.120		100,0%	0,0%	0,0%	
	- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở ở các xã khu vực II thuộc huyện nghèo 30a và các xã thoát khỏi xã ĐBKK không hưởng chế độ theo NĐ 116/2016/NĐ-CP theo Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND	748	748		100,0%	0,0%	0,0%	
	- KP hỗ trợ tiền ăn cho trẻ em 3- 5 tuổi theo QĐ239;QĐ 60	3.370	3.370		100,0%	0,0%	0,0%	
	- Chính sách hỗ trợ giáo viên Mầm non theo Nghị định	810	810		100,0%	0,0%	0,0%	
	- KP thực hiện NĐ 86/2015/NĐ-CP	3.163	3.163		100,0%	0,0%	0,0%	
	- Hỗ trợ KP vận chuyển gạo	300	300		100,0%	0,0%	0,0%	
	- KP học sinh dân tộc ít người theo Nghị định 57/2017ND-CP	14	14		100,0%	0,0%	0,0%	
	- Kinh phí thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên khuyết tật thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	1.431	1.431		100,0%	0,0%	0,0%	
	- Kinh phí hỗ trợ tiền nấu ăn tại các cơ sở giáo dục theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND	2.081	2.081		100,0%	0,0%	0,0%	
	- Đề án nâng cao chất lượng giáo dục vùng đặc biệt khó khăn theo Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND; nâng cấp sửa chữa trường bán trú, trường dự kiến đạt chuẩn quốc gia, duy trì trường chuẩn và khắc phục phòng học tạm; mua sắm trang thiết bị trường học theo Đề án đổi mới căn bản giáo dục. Trong đó: (3)	20.800	20.800		100,0%	0,0%	0,0%	
2.2	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:	5.585	5.806		104,0%	0,0%	0,0%	
	<i>Trong đó:</i>							
	* Đào tạo theo NQ 120/2014/HĐND + Thông tư 139/TT-BTC	764	1.114		145,8%	0,0%	0,0%	
	* KP ĐT nghề cho lao động NT theo NQ GD 2011-2020 theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND	1.200	1.200		100,0%	0,0%	0,0%	
3	SN văn hóa - thông tin:	4.504	4.396	196	97,6%	4,4%	4,5%	
	<i>Trong đó:</i>							
	* Kinh phí thực hiện Đề án 241-QĐ/TU về nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tư tưởng Đảng bộ tỉnh	2.648	2.648		100,0%	0,0%	0,0%	
	- Hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa xã, thôn, bản (40 trđ/ nhà)		600				0,0%	15 NVH
	- Hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa xã (300 trđ/nhà)		300				0,0%	
	- Hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa thôn, bản (150 trđ/nhà)		1.650				0,0%	11 NVH
	- Hỗ trợ hoạt động của đội văn hóa thôn bản (2 trđ/đội)		98				0,0%	
4	SN Thể dục - thể thao :	530	477	20	90,0%	3,8%	4,2%	
5	SN truyền thanh - truyền hình	3.769	3.842	825	101,9%	21,9%	21,5%	
	<i>Trong đó:</i>							
	* Kinh phí thực hiện Đề án theo 241-QĐ/TU về nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tư tưởng Đảng bộ tỉnh	1.830	1.830		100,0%	0,0%	0,0%	
6	Chi đảm bảo xã hội	6.823	6.823	2.666	100,0%	39,1%	39,1%	
	<i>Trong đó:</i>							
	- Kinh phí thực hiện Nghị định 136/2013/NĐ-CP	4.072	4.072		100,0%	0,0%	0,0%	
	- Cứu trợ xã hội, các hoạt động đảm bảo XH khác		801				0,0%	
	- KP chúc thọ, mừng thọ theo QĐ 27/2011/QĐ-UBND	-	164				0,0%	
	- Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	560	560		100,0%	0,0%	0,0%	
7	Chi quản lý hành chính	38.739	38.331	11.673	98,9%	30,1%	30,5%	
	<i>Trong đó:</i>							
	- KP thực hiện chính sách người uy tín tại thôn, bản	160	160		100,0%	0,0%	0,0%	



ST T		TỈNH GIAO	HUYỆN GIAO	TH 24/4/2020	So sánh			Ghi chú
					DT huyện/ tỉnh	TH/DT tỉnh giao	TH/DT huyện	
8	Chi An ninh - Quốc phòng địa phương	4.985	5.185	1.707	104,0%	34,2%	32,9%	
	- An ninh:	612	612	330	100,0%	53,9%	53,9%	
	Trong đó: + Hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 240-QĐ/TU	110	110	30	100,0%	27,3%	27,3%	
	- Quốc phòng (Tuyển quân, Huấn luyện DQTV, Báo chí, Kỷ niệm 22/12, Hội đồng g. dục OP và các nội dung OP khác)	4.373	4.573	1.377	104,6%	31,5%	30,1%	
9	Chi ngân sách xã:	43.759	43.329	14.592	99,0%	33,3%	33,7%	
	Trong đó: Kinh phí hỗ trợ UBMT tổ quốc cấp xã và ban công tác mặt trận ở khu dân cư bổ sung thêm	318	318		100,0%	0,0%	0,0%	
10	Chi khác ngân sách	1.162	1.460	70	125,6%	6,0%	4,8%	
11	Kinh phí thực hiện sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt và công trình dân dụng khác, chỉnh trang đô thị, sửa chữa trụ sở cơ quan nhà nước, mua sắm trang thiết bị để tổ chức Đại hội Đảng các cấp	12.000	12.000	7.526	100,0%	62,7%	62,7%	Chi tiết theo Phụ lục 4.3
III	Dự phòng ngân sách	4.660	4.660		100,0%	0,0%	0,0%	
IV	Tăng thu Ngân sách năm 2020		1.691				0,0%	
	- Tăng thu Ngân sách năm 2020 (Không kể tiền sử dụng đất)		1.200				0,0%	
	- Tăng thu tiền sử dụng đất năm 2020		491				0,0%	
V	Kinh phí tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương ngân sách huyện		1.858				0,0%	
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, MTQG	134.758	134.758	51.124	100,0%	37,9%	37,9%	
I	Chi chương trình mục tiêu (4)	1.921	1.921	30	100,0%	1,6%	1,6%	
1	Chương trình mục tiêu đảm bảo trật tự ATGT, phòng cháy, chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy	30	30	30	100,0%	100,0%	100,0%	
2	Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	1.307	1.307		100,0%	0,0%	0,0%	
3	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	584	584		100,0%	0,0%	0,0%	
3.1	Kinh phí khoán KNTS tự nhiên	268	268		100,0%	0,0%	0,0%	
a	Kinh phí hỗ trợ khoán KNTS tự nhiên	250	250		100,0%	0,0%	0,0%	
b	phí khoán (quy định tại Khoản 3, Điều 13, Thông tư số 62/2018/TT-BTC)	18	18		100,0%	0,0%	0,0%	
3.2	Kinh phí chi hoạt động đặc thù (Nội dung chi quy định tại Điều 14 của Thông tư số 62/2018/TT-BTC)	316	316		100,0%	0,0%	0,0%	
a	Kinh phí duy tu, bảo dưỡng các công trình lâm nghiệp sau đầu tư	316	316		100,0%	0,0%	0,0%	
	- Hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng đường băng trắng cần lửa	295	295		100,0%	0,0%	0,0%	
	- Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu cấp huyện (7% tổng kinh phí duy tu bảo dưỡng)	21	21		100,0%	0,0%	0,0%	
II	Kinh phí thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lai Châu (Vốn đầu tư) (5)	4.830	4.830		100,0%	0,0%	0,0%	
	- Hỗ trợ đất sản xuất	3.495	3.495		100,0%	0,0%	0,0%	
	- Hỗ trợ nước sinh hoạt	1.335	1.335		100,0%	0,0%	0,0%	
III	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (6)	128.007	128.007	51.094	100,0%	39,9%	39,9%	
1	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững - Dự án 1 (Chương trình 30a)	93.297	93.297	41.798	100,0%	44,8%	44,8%	
1.1	Vốn đầu tư	85.646	85.646	41.798	100,0%	48,8%	48,8%	
	- Dự án 1 (Chương trình 30a)	78.148	78.148	39.664	100,0%	50,8%	50,8%	Có Quyết định phân bổ vốn đầu tư riêng,
	- Dự án 2 (Chương trình 135)	7.498	7.498	2.134	100,0%	28,5%	28,5%	
1.2	Vốn sự nghiệp	7.651	7.651		100,0%	0,0%	0,0%	
	- Dự án 1 (Chương trình 30a)		7.651				0,0%	
	+ Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo	7.613	7.613		100,0%	0,0%	0,0%	
	* Phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế	7.613	7.613		100,0%	0,0%	0,0%	
	+ Kinh phí quản lý giảm nghèo ở cấp xã	38	38		100,0%	0,0%	0,0%	
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	34.710	34.710	9.296	100,0%	26,8%	26,8%	

ST T	NỘI DUNG	TỈNH GIAO	HUYỆN GIAO	TH 24/4/2020	So sánh			Ghi chú
					DT huyện/ tỉnh	TH/DT tỉnh giao	TH/DT huyện	
2.1	Vốn đầu tư	25.188	25.188	9.296	100,0%	36,9%	36,9%	
	- Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM	23.888	23.888	9.296	100,0%	38,9%	38,9%	Có Quyết định phân bổ vốn đầu tư riêng
	- Thực hiện các đề án, nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 24/7/2018 và Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014	1.300	1.300	-	100,0%	0,0%	0,0%	
2.2	Vốn sự nghiệp	9.522	9.522		100,0%	0,0%	0,0%	
a	Kinh phí hoạt động quản lý chương trình	340	340		100,0%	0,0%	0,0%	
	- Cấp huyện	240	240		100,0%	0,0%	0,0%	
	- Cấp xã	100	100		100,0%	0,0%	0,0%	
b	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	1.182	1.182		100,0%	0,0%	0,0%	
c	Kinh phí thực hiện các nội dung còn lại của Chương trình	8.000	8.000		100,0%	0,0%	0,0%	
	- Trong đó: Duy tu, bảo dưỡng		3.000				0,0%	Chi tiết theo Phụ lục 4.3

*** Ghi chú:** Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện các khoản: (1), (2), (3), (4), (5). Bổ sung thực hiện các Chương trình MTQG khoản: (6)